TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày: 21 – 3 – 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vịnh

2. Bà Hoàng Thị Len

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thùy Dung – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân L, sinh năm 1973 tại thành phố N, tỉnh N; Nơi cư trú: Số nhà 11/8, đường T, phường T, thành phố N, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc L (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; Có vợ là Bùi Thị Kim D và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 181 ngày 01/10/1993 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 6 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Bản án số 131 ngày 10/5/2007 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 12 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*". Ngày 08/12/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình khởi tố bị can số 37 về tội "*Trộm cắp tài sản*". Bản án số 04 ngày 12/01/2018 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xử phạt 2 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*";

Bị bắt truy nã và bị tạm giữ từ ngày 04/12/2017 đến ngày 07/12/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Bùi Xuân S – Văn phòng Luật sư Phạm Hữu Lâm và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (*Có mặt)*

- *Người bị hại:*

Anh Trần Văn T – sinh năm 1983 (*Vắng mặt*)

TQ: Số nhà 553, đường L, tổ 18, phường Q, thành phố T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 24 giờ ngày 24/6/2014, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Tiến D sinh năm 1969, trú tại đường T, phường T, thành phố N, và Nguyễn L sinh năm 1969, trú tại đường Mạc Thị Bưởi, phường Thống Nhất, thành phố N đi xe ô tô Matiz, biển kiểm soát 30F-4051 (xe trộm cắp được) do D điều khiển từ thành phố N sang thành phố T đón Tô Đình S, sinh năm 1984, trú tại tổ 6 phường Kỳ Bá, thành phố T để cùng nhau đi trộm cắp ô tô ở địa bàn tỉnh T. Sau khi đón S lên xe ô tô, D điều khiển xe đi lòng vòng qua một số tuyến đường ở thành phố T đến khoảng 01 giờ ngày 25/6/2014, khi đi trên đường L thuộc địa bàn phường Q phát hiện chiếc xe ô tô Ford Everest, biển kiểm soát 17L-0556, trị giá 525.000.000 đồng của anh Trần Văn T để ở ven đường trước cửa nhà. D điều khiển xe đi qua khoảng 50m rồi dừng lại, D và L ở trên xe cảnh giới; L và S đi đến chỗ xe của anh T. Lợi dụng sơ hở không có người trông coi, L dùng vam phá khóa cửa, khóa điện sau đó điều khiển xe chở S đi về thành phố N, D điều khiển xe Matiz chở L đi theo sau. Khi đến khu vực cầu Đa Sô thuộc phường Phú Khánh, thành phố T thì xe ô tô do L vừa trộm cắp được bị chết máy phải dừng lại. L và S để chiếc xe ô tô của anh T ở cạnh đường rồi lên xe ô tô do D điều khiển đi về N. S gọi điện cho Trần Hải Hùng, sinh năm 1991, trú tại số 4/63, phường T Thi, thành phố N nhờ Hùng đi đến khu vực nhà anh T xem có ai kêu mất xe không đồng thời đi taxi quay lại T. Hùng đến nơi nhưng không phát hiện được gì gọi điện thông báo cho S. S gọi điện cho Hùng, D, L, L đến chỗ để xe ô tô của anh T bị hỏng. Hùng lên xe kiểm tra phát hiện thấy xe có mùi khét do khi điều khiển xe chưa nhả phanh tay. L và Hùng thử khởi động xe nhưng không được nên tất cả cùng nhau đẩy xe vào cụm công nghiệp Vũ Thư thuộc địa phận thị trấn huyện Vũ Thư, tỉnh T sửa để đi về N cất giấu nhưng không sửa được, nên D, L, L đi taxi về nhà D, còn Tô Đình S và Hùng đi chơi ở thành phố T.

Ngày 25/6/2014, Công an thành phố T phát hiện và thu giữ chiếc xe ô tô của anh T sau đó chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Sau khi bị phát hiện, L bỏ trốn. Ngày 19/01/2015, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe cho anh T, anh T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền phải sửa chữa xe hết 19.500.000 đồng. Ngày 06/5/2015, Tòa án nhân dân tỉnh T đã xét xử, tuyên án đối với các bị cáo Nguyễn Tiến D, Tô Đình S và Nguyễn L trong vụ án về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá xe ô tô Ford Everest của anh Trần Văn T có trị giá là 525.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và luật sư không ai có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 06/KSĐT ngày 29/01/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Xuân L từ 13 đến 14 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 24 tháng tù của Bản án số 04/2018/HSST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 15 đến 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2017.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã được giải quyết tại bản án 17/2015/HSST ngày 06/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh T nên không đặt ra giải quyết.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Xuân L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên về mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đưa ra có phần nghiêm khắc. Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo không phải là người khởi xướng, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và nhận thức pháp luật còn hạn chế, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo dưới mức thấp

nhất của khung hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm và nói lời sau cùng: Hành vi phạm tội của bị cáo là sai trái, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư và bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 01 giờ ngày 25/6/2014, tại khu vực đường L, phường Q, thành phố T, tỉnh T, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người dân, Nguyễn Xuân L đã cùng Nguyễn Tiến D, Nguyễn L và Tô Đình S thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe ô tô Ford Everest biển kiểm soát 17L-0556, trị giá 525.000.000 đồng của anh Trần Văn T. Theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội "*Trộm cắp tài sản*" thì:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

4. Phạm tội thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp."

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"

[3] Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Xuân L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù

hợp với lời khai của chính bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án là chứng cứ buộc tội lẫn nhau… Ngoài ra còn được chứng minh bằng những tài liệu, chứng cứ như: Đơn trình báo, lời khai của người bị hại là anh Trần Văn T (BL 47 – 49); Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 23/01/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh T (BL 51 – 52);… Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Đối với Nguyễn Tiến D, Tô Đình S và Nguyễn L là đồng phạm cùng thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe ô tô của anh Trần Văn T, các đối tượng đã bị Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 tại Bản án số 17/2015/HSST ngày 06/5/2015. Bị cáo Nguyễn Xuân L bị khởi tố về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, qua so sánh thấy mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù nhẹ hơn so với mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các điều luật của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo để giải quyết vụ án.

[5] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nguyễn Xuân L đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Bị cáo đã cùng các đối tượng khác đều là những người có nhân thân xấu từng bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu, tạo thành một nhóm thực hiện hành vi phạm tội trên nhiều địa bàn các tỉnh. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn và bị truy nã.

[7] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các đối tượng cố ý cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, Nguyễn Xuân L giữ vai trò là người thực hành tích cực, trực tiếp dùng vam phá khóa cửa, khóa điện của xe ô tô rồi điều khiển xe trộm cắp được đi về thành phố N. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, do đó Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng với bị cáo mức hình phạt tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp với hình phạt 02 năm tù của bản án số 04/2018/HSST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án như đề nghị

của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[8] Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Xuân L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, song xét thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, chỉ được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc quy định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thì người phạm tội phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận đề nghị của luật sư.

[10] Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo Nguyễn Xuân L là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án số 17/2015/HSST ngày 06/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh T nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

[2] Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Xuân L 13 (*Mười ba*) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 24 tháng tù của Bản án số 04/2018/HSST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N,

tỉnh N, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (*Mười lăm*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2017.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/3/2018. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *VKSND tỉnh T;*
- *CA tỉnh;*
- *TTG tỉnh N;*
- *Sở tư pháp;*
- *Lưu hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Lý

Nơi nhận:
- *Các bị cáo –trại tạm giam;*
- *VKSND tỉnh T;*
- *CA tỉnh;*
- *Sở tư pháp;*
- *Lưu hồ sơ;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tô Thị Lý

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Ngô Thanh Mai

Nơi nhận:
THẨM

- *Bị cáo – Trại giam;*
- *VKSND tỉnh T;*
- *Sở tư pháp;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Nam Mẫn